

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG PHONG LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG PHONG LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502503330

**3. Ngày thành lập:** 17/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 375 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0702.865326

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt camera quan sát, hệ thống loa phát thanh, tổng đài điện thoại nội bộ, thiết bị báo cháy tự động và cấp nước chữa cháy, thiết bị thu lôi chống sét (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy); Lắp đặt Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát điện, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptomat,...); Mua bán thiết bị, máy văn phòng; Mua bán các thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO), camera quan sát, hệ thống loa phát thanh, tổng đài điện thoại nội bộ, thiết bị báo cháy tự động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy) và cấp nước chữa cháy, thiết bị thu lôi chống sét. | 4659        |
| 6. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác                                                                           | 4663        |
| 7. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669        |
| 8. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>chi tiết : Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6810(Chính) |
| 9. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6820        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết: thăm tra bản vẽ kỹ thuật và dự toán công trình thủy lợi; thăm tra bản vẽ kỹ thuật và dự toán công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp; Các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, thiết kế công trình giao thông thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế công trình thủy lợi; khảo sát địa hình; khoan; thăm dò, điều tra khảo sát; thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế và giám sát công trình cầu phao; thiết kế và giám sát công trình đường thủy, đường giao thông, đường biên; Thiết kế qui hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; thăm tra thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn lập hồ sơ mời thầu; dự thầu; Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu</p> | 7110 |
| 11. | <p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp, Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế điện công trình; Thiết kế công trình điện năng (đường dây tải điện và trạm biến thế đến 35KV); Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế công trình thủy lợi (đập, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); Thiết kế công trình giao; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình phòng cháy, chữa cháy; Lập dự án đầu tư xây dựng (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư).</p>                                                                                                         | 7410 |
| 12. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0810 |
| 13. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2395 |
| 14. | <p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>chi tiết: Khách sạn</p> <p>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</p> <p>Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển | 7730 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị điện tử viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3313 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị điện công nghiệp, điện gia dụng, điện lạnh.                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị phòng cháy, chữa cháy (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy).                       | 3319 |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO).                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3320 |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212 |
| 23. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4221 |
| 24. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4222 |
| 25. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thông tin - bưu điện, cáp ngầm; thi công lắp đặt hạ tầng mạng viễn thông-truyền hình cáp                                                                                                                                                                                                                  | 4223 |
| 26. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: xây dựng công trình thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4229 |
| 27. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4291 |
| 28. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4292 |
| 29. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4293 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRƯƠNG THỊ THẢO | Việt Nam  | Thôn Dinh Hoa, Xã Thọ Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam   | 2.100.000.000         | 70,000    | 040194036664                                                                                            |         |
| 2   | LÊ TÙNG CHINH   | Việt Nam  | Tổ 3, Ấp 7, Xã Bàu Cạn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam      | 900.000.000           | 30,000    | 051079003969                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: TRƯỜNG THI THẢO

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/05/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040194036664

Ngày cấp: 28/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Dinh Hoa, Xã Thọ Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Dinh Hoa, Xã Thọ Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu